

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: **26/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 04/8/2020

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

**- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thu Trang

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Hưng Quang

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông  
Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

**- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đắc Quốc Tuấn - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1998

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: số nhà Y thôn Hà Thủy 03, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bị đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1998

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: số nhà Z thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Chỗ ở hiện nay: Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận, khu phố Ph, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Văn S, sinh năm 1998; địa chỉ: số nhà Z thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 85/2018, ngày 15/6/2018. Vợ chồng sinh sống tại nhà ông bà nội của ông S tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; trong thời gian sống chung ông S không lo làm ăn, tụ tập bạn bè sử dụng ma túy. Vào tháng 10 năm 2019 bà có làm đơn ly hôn ông S một lần nhưng ông S hứa từ bỏ ma túy để vợ chồng về đoàn tụ nên bà đã rút đơn. Tuy nhiên ông S vẫn tiếp tục sử dụng ma túy; không thể chịu đựng được nữa nên bà đưa con về nhà cha mẹ ruột tại số nhà Y thôn Hà Thủy 03, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận sinh sống cho đến hôm nay.

Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: bà và ông S có 01 con chung là Trần Đức Th, sinh ngày 08/9/2018; hiện nay cháu Th đang được bà chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà xin được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà Th khai, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không thiếu nợ ai.

***Đối với bị đơn ông Trần Văn S:***

Theo biên bản lấy lời khai ngày 01/6/2020 tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận, ông S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Th tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận năm 2018. Sau khi cưới vợ chồng ở tại nhà cha mẹ ruột ông, theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì do ông nghiện ma túy nên bà Th ly hôn với ông. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức Th, sinh ngày 08/9/2018; do không đồng ý ly hôn nên ông vẫn muốn tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông S khai, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn S, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Đức Th cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã xác định địa chỉ của ông Trần Văn S đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp gửi quyết định ủy thác thu thập chứng cứ đến Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận để tổng đạt văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 105; Điều 172 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Trần Văn S. Ông Trần Văn S đã được Tòa án nhân dân huyện L lấy lời khai tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, HĐXX nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 85/2018, ngày 15/6/2018 nên là hôn nhân hợp pháp, bà Th có đơn xin ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, lời trình bày của bà Th cho thấy đời sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc mà nguyên nhân là do ông S không lo làm ăn, tụ tập bạn bè sử dụng ma túy; vào tháng 10 năm 2019 bà có làm đơn ly hôn ông S nhưng ông S hứa từ bỏ ma túy để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên ông S vẫn không từ bỏ được ma túy nên bà đưa con về nhà cha mẹ ruột tại số nhà Y thôn Hà Thủy 03, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận sinh sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ cho đến hôm nay. Đối với ông Trần Văn S hiện nay đang điều trị cai nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Bình Thuận, do ông nghiện ma túy nên vợ chồng mới mâu thuẫn, bà Th làm đơn ly hôn ông, ông không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy rằng ông Trần Văn S là người nghiện ma túy mặc dù đã được bà Th rút đơn về đoàn tụ một lần theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, số: 125/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/10/2019 nhưng ông S vẫn không từ bỏ được ma túy, điều đó chứng tỏ ông S đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, vi phạm về nghĩa vụ sống chung của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: bà và ông S có 01 con chung là Trần Đức Th, sinh ngày 08/9/2018; hiện nay cháu Th đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy cháu Th ở với bà Th từ khi vợ chồng bà không còn sống chung từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, bà Th đã nuôi dưỡng và giáo dục con đảm bảo các điều kiện phát triển, cháu Th chưa đủ 36 tháng tuổi nên chấp nhận yêu

cầu của bà Th, giao cháu Th cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trưởng thành là phù hợp; bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: bà Th và ông S đều khai, trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tạo lập tài sản chung và không có nợ ai nên HĐXX không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định về việc giải quyết ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1/ Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

### **2/ Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Trần Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đức Th, sinh ngày 08/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Th không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bà Th không được ngăn cản ông S trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản và nợ chung: không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà Th đã nộp tại biên lai thu số: 0006733, ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/8/2020), ông Trần Văn S là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh - Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

- Lưu hồ sơ.

**Đặng Thị Thu Trang**